



PHÂN CẤP QUẢN LÝ TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG - NHỮNG BẤT CẬP VÀ PHƯƠNG HƯỚNG ĐỔI MỚI

TS. NGUYỄN HỒNG THUẬN

Trung tâm Nghiên cứu Tâm lý học và Giáo dục học

Từ khi nước ta bắt đầu chuyển đổi từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung sang cơ chế thị trường, định hướng XHCN, Đảng và Chính phủ chủ trương cải cách lại hệ thống quản lý nhà nước (QLNN) nói chung và hệ thống quản lý giáo dục và đào tạo (GD&ĐT) nói riêng theo định hướng phân cấp, như trong Kết luận của Hội nghị TW 6 (Khoá IX) và Nghị quyết số 37/2004/QH11 của Quốc hội.

Hơn nữa, trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường (KTMTT), hội nhập quốc tế và toàn cầu hoá, mô hình quản lý tập trung tỏ ra kém hiệu quả, ... cơ chế quản lý hiện hành trong GD&ĐT nói chung và trường THPT nói riêng không còn phù hợp, đòi hỏi phải đổi mới theo định hướng phân cấp quản lý giáo dục (QLGD).

1. Khái niệm phân cấp quản lý trường THPT

Phân cấp quản lý trường THPT là quá trình chuyển giao quyền hạn, quyền ra quyết định và tính chịu trách nhiệm theo hướng dịch chuyển từ cấp trên xuống đến trường THPT, cũng như qui trình quan hệ công việc giữa các liên đới (trong và ngoài hệ thống QLGD), nhằm sử dụng tối đa các nguồn lực đạt tới mục tiêu đề ra [5] (Có bốn cấp được chuyển giao quyền hạn là cấp Trung ương, cấp Tỉnh/Vùng, cấp Quận/Huyện và cấp Nhà trường)

2. Những bất cập trong quá trình phân cấp quản lý trường THPT

Thực hiện chủ trương đổi mới phân cấp trong công tác QLNN nói chung và với ngành GD&ĐT nói riêng, Bộ GD&ĐT đã phối hợp với các bộ, ngành liên quan tiến hành triển khai thực hiện khá đồng bộ, từ khâu nghiên cứu, xây dựng các văn bản pháp quy đến khâu hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện từ trung ương đến địa phương. Tuy nhiên, trong quá trình đó, ở mỗi khâu đều có những điểm hạn chế. Hơn nữa, hệ thống QL trường THPT Việt Nam còn đang bộc lộ nhiều bất cập, như: cơ chế quản lý vẫn mang nặng tính tập trung hơn là phân cấp, quyền hạn và trách nhiệm của từng cấp quản lý không rõ ràng, năng lực đội ngũ còn hạn chế,...

Dựa trên kết quả các cuộc khảo sát năm 2007[4] và 2008, các vấn đề khó khăn tồn tại trong hệ thống quản lý và những điểm bất cập trong quá trình phân cấp quản lý trường THPT Việt Nam đã được phản ánh từ đội ngũ CBQL cấp Sở, Phòng GD&ĐT và hiệu trưởng các trường THPT tại 64 tỉnh/thành phố trong cả nước. Những điều đó đã gây khó khăn cho công tác quản lý nhà trường THPT theo hướng phân cấp hiện nay ở các địa phương. Biểu hiện cụ thể ở từng mặt như sau:

2.1. Về việc ban hành và thực hiện các văn bản pháp luật

Thực tiễn đã cho thấy việc triển khai ở khâu này chưa thực sự khoa học. Việc ban hành văn bản còn thiếu tính hệ thống nên đã có tình trạng bị thay đổi liên tục hoặc chồng chéo, không thống nhất trong chỉ đạo. Một số văn bản do ban hành quá chậm nên lạc hậu và bất cập so với thực tiễn. Hơn nữa, các văn bản hướng dẫn thực hiện các nghị định của Chính phủ cũng đưa ra chậm nên khó thực hiện.

Cho đến nay, vẫn còn thiếu rất nhiều các văn bản pháp quy chỉ đạo và quản lý hoạt động tại trường THPT, chẳng hạn như: Quy chế THPT chuyên; Quy định về chế độ, chính sách đãi ngộ đối với cán bộ thiết bị, cán bộ thư viện, giáo viên giỏi,...

Trong chỉ đạo thi cử và đánh giá xếp loại học sinh, có quá nhiều văn bản hướng dẫn và được bổ sung, thay đổi liên tục nhưng lại vẫn thiếu nên cán bộ, giáo viên dễ bị lẫn lộn khi áp dụng (VD: Quy chế thi tốt nghiệp; Hướng dẫn việc đánh giá xếp loại học sinh;...). Một số văn bản, khi đưa vào thực hiện đã có những mâu thuẫn (VD: "Quy định học sinh không được ở lại 1 cấp học vượt quá 2 năm") đã làm cho nhiều cơ sở giáo dục phải bỏ qua yếu tố chất lượng khi đánh giá kết quả học tập của học sinh hoặc làm nảy sinh tiêu cực trong thi cử; và chủ trương *chống học sinh ngồi nhăm lớp* trong khi không cho tăng tỉ lệ lưu ban làm cho người quản lý và người dạy gặp nhiều khó khăn;

Một số chế độ định mức tiền cố định còn chưa hợp lí, không kịp thời hoặc do ban hành đã quá lâu nên không còn phù hợp với thực tiễn (VD: công tác phí, thi học sinh giỏi, thanh tra, chấm bài, chi tạo lập tin điện tử,...).

Ở từng địa phương, hệ thống văn bản, sổ sách quản lí cũng thiếu thống nhất, tiêu chí chưa rõ ràng nên việc đánh giá chất lượng ở các địa phương và từng cơ sở giáo dục sẽ dễ mang tính chủ quan và khó chính xác.

2.2. Về tổ chức bộ máy quản lí

Phân định chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm chưa rõ ràng, chưa thống nhất giữa các cơ quan tham gia QLGD dẫn đến tình trạng QL chồng chéo, thủ tục hành chính rườm rà; Công tác chỉ đạo thiếu tập trung và chưa sâu sát, dẫn đến chậm trễ trong thực hiện công việc và ảnh hưởng tới chất lượng giáo dục (VD: Chưa có sự thống nhất giữa các tỉnh, các huyện trong việc thực hiện Nghị định 43; Hiệu trưởng các trường THPT chưa được giao thực quyền tự chủ về quản lí nhân sự và tài chính do chưa có sự phối hợp tốt giữa Sở Tài chính và Sở Nội vụ;...).

Không thống nhất trong chỉ đạo giữa các phòng ban trong Sở (VD: Giữa phòng Khảo thí và phòng TCCB với Phòng GD trung học) đã gây không ít khó khăn cho cấp dưới trong quá trình tổ chức thực hiện.

Ngành GD có quá ít quyền hạn trong việc bổ nhiệm CBQL của ngành, đặc biệt là hiệu trưởng và phó hiệu trưởng trường THPT.

2.3. Về chức năng chuyên môn

Việc quản lí chuyên môn đối với GDPT đang là vấn đề được nói đến nhiều nhất vì đã đến lúc cần một sự cải tổ từ tầm vĩ mô, từ cách tiếp cận mục tiêu, quan điểm và phương thức phát triển chương trình đến những vấn đề hết sức cụ thể, như: biên soạn sách giáo khoa, đổi mới nội dung, phương pháp dạy học hay tin học hóa nhà trường,... Những vấn đề nổi cộm trong lĩnh vực này được thể hiện khá rõ nét, phổ biến và đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng GDPT. Cụ thể là:

+ *Việc phát triển chương trình*, chủ yếu là phạm vi của các chuyên gia (chủ yếu là các nhà sư phạm của trường đại học và Viện KHGD) có khuynh hướng học thuật về kiến thức cao, có các cơ hội nghiên cứu tài liệu và kinh nghiệm của các quốc gia khác, nhưng lại ít nhiều rời xa thực tiễn giảng dạy.

Bản chất *tập trung* của chương trình nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của quốc gia nhưng chưa đáp ứng tốt nhu cầu thực tế của địa phương.

Quản lí và phân phối chương trình còn cứng nhắc, làm hạn chế tính chủ động, linh hoạt của giáo viên và nhà trường;

+ *Về kiểm tra đánh giá chất lượng học sinh*, Bộ chưa ban hành bộ chuẩn về chất lượng GDPT để trên cơ sở đó xác định mức độ chuẩn của các đề kiểm tra, chất lượng các bài kiểm tra định kì ở tất cả các môn học; Thực tế, các chuẩn giáo dục quốc gia ở Việt Nam chưa đáp ứng yêu cầu, do các chuẩn thực hiện thường được định nghĩa chung chung (chưa đo được), thông tin về kết quả học tập của học sinh chưa được hệ thống và tin cậy.

Hiện nay, Bộ GD&ĐT cố gắng kiểm soát chất lượng học tập của học sinh thông qua quản lí hành chính các kì thi quốc gia tốt nghiệp THPT. Tuy nhiên, việc quản lí này chưa thực sự thành công, khâu trông thi còn lỏng lẻo dẫn tới kết quả chưa thật chính xác và thường có khuynh hướng “cho” học sinh đỗ tốt nghiệp.

+ *Việc kiểm tra chuyên môn* còn mang nặng tính hình thức, chưa thực chất, dễ gây ra tình trạng thực hiện kiểu đối phó, đáp ứng kiểm tra hay thi đua nên đã không mang lại hiệu quả thiết thực, kịp thời;

2.4. Về quản lí sử dụng nguồn lực

Mặc dù Nghị định 43 của Chính phủ đã trao quyền (với các mức độ khác nhau) cho nhà trường THPT, nhưng thực tế, hiệu trưởng trường THPT vẫn chưa thực sự chịu trách nhiệm quản lí về cả đội ngũ giáo viên lẫn các nguồn tài chính. Hiện tại, các quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, thăng tiến, chuyển chuyển và sa thải, khen thưởng hay kỉ luật CB, GV- là trách nhiệm của UBND tỉnh/TP.

Trong việc bổ nhiệm CBQLGD, chưa thể chế hoá các tiêu chuẩn về năng lực và phẩm chất của CBQL. Phụ cấp trách nhiệm chưa hợp lí. (VD: Hiệu trưởng được bổ nhiệm làm trường/phó phòng GD thì phụ cấp trách nhiệm giảm dẫn tới thu nhập giảm, do đó khó tìm CBQL giỏi).

Phụ cấp thu hút, phụ cấp khu vực vùng miền chưa phù hợp: Chưa có chế độ ưu đãi cho giáo viên phục vụ lâu năm ở vùng cao, vùng khó khăn mà chỉ có chế độ phụ cấp thu hút cho giáo viên mới đến công tác nên đã dẫn đến tình trạng, nhiều giáo viên xin tình nguyện đến công tác ở vùng cao, khó khăn nhưng chỉ một thời gian ngắn sau đó lại tìm cách để chuyển đến những khu vực thuận lợi hơn.

Cơ chế quản lí tài chính chưa hiệu quả, chưa thực sự rõ ràng, công bằng, thiếu linh hoạt/mềm



đều trong việc sử dụng các nguồn lực; được thể hiện ở chỗ:

+ *Hiệu trưởng được uỷ quyền rất hạn chế* trong việc sử dụng nguồn tài chính cho phù hợp với nhu cầu thực tế cũng như đối với việc *phân bổ nguồn lực hoặc tài sản* nên các trường không được chủ động, phải nặng về thủ tục xin cấp phát (cơ chế xin cho); tài sản được cấp không kịp thời và chưa thật sự phù hợp với nhu cầu của trường (VD: về TBDH). Bên cạnh đó, nguồn ngoài ngân sách mà các trường có thể huy động là học phí thì lại do UBND Tỉnh quyết định.

+ Việc phân bổ ngân sách giáo dục cho các tỉnh dựa trên quy mô dân số như hiện nay sẽ mang tính “cào bằng”, không đảm bảo công bằng giữa các tỉnh, đặc biệt đối với các tỉnh có tỉ lệ dân số trong độ tuổi THPT đi học ở các trường công lập cao.

2.5. Thanh tra, kiểm tra và đánh giá

Trong hệ thống QLGD&ĐT, có thể nói đây đang là khâu yếu, chưa thực sự đáp ứng yêu cầu quản lí chất lượng giáo dục. Hạn chế lớn nhất là đội ngũ cán bộ làm công tác này còn *thiếu và yếu về chuyên môn*. Nguyên nhân chủ yếu là do phần lớn trong số đó chưa được đào tạo bài bản và thường là thanh tra viên kiêm nhiệm; Các tiêu chuẩn lựa chọn để bổ nhiệm thanh tra chưa gắn chặt với các yêu cầu về kiến thức, kĩ năng đặc thù của công tác thanh tra GD. Việc cung cấp những thông tin từ cơ quan quản lí các cấp còn thiếu và chưa kịp thời (VD: Thiếu các *chuẩn và các chỉ số thực hiện về GD*, thiếu các công cụ thích hợp để kiểm soát chính xác việc thực hiện chức năng của hệ thống GD).

Tóm lại, trong hệ thống quản lí trường THPT Việt Nam hiện nay, các quyết định quan trọng tác động đến giảng dạy và học tập, như các quyết định về nhân sự, phát triển nghề nghiệp và sử dụng nguồn lực vẫn được đưa ra tại cấp cao hơn cấp nhà trường và ảnh hưởng của các quyết định còn xa với thực tiễn nhà trường. Để tìm ra phương hướng đổi mới phân cấp quản lí trường THPT, cần trả lời rõ ràng các câu hỏi: Phân cấp cái gì? Phân cấp trách nhiệm và quyền hạn nào cho ai (cấp nào) là phù hợp nhất? Tính chịu trách nhiệm của từng cấp như thế nào?

Dưới đây là một số đề xuất về phương hướng cải tiến và điều chỉnh cơ chế hiện hành trong việc phân cấp quản lí trường THPT.

3. Phương hướng đổi mới phân cấp quản lí trong THPT Việt Nam

3.1. Kết hợp tập trung và phân cấp

Vẫn nên áp dụng mô hình phân cấp cho chính quyền cấp tỉnh/thành phố quản lí trường THPT như hiện nay, trong đó, Bộ GD&ĐT chỉ tập trung vào các chức năng lập pháp (ban hành các văn bản pháp quy, tạo hành lang pháp lí cho các cơ quan cấp dưới thực hiện), định hướng, hỗ trợ phát triển và kiểm soát hệ thống giáo dục; cấp Sở GD&ĐT được trao quyền quản lí toàn diện trường THPT, thực hiện các chức năng định hướng, hỗ trợ phát triển, kiểm soát hệ thống và đặc biệt là đảm bảo chất lượng giáo dục tại địa phương; và cấp trường THPT được trao quyền tự chủ theo hướng được uỷ quyền ra quyết định về nguồn lực của trường cho phù hợp với nhu cầu và điều kiện của mình.

3.2. Củng cố và xây dựng hệ thống chịu trách nhiệm

Thực tế đã cho thấy, phân cấp quyền ra quyết định cho cấp dưới rất dễ dẫn đến tình trạng buông lỏng, mất kiểm soát. Vì vậy, việc phân cấp luôn phải đi đôi với việc củng cố và xây dựng hệ thống chịu trách nhiệm, trong đó cần tăng cường bốn mối quan hệ về tính chịu trách nhiệm, đó là: *giữa người hưởng dịch vụ và nhà quản lí giáo dục; giữa nhà quản lí giáo dục và các trường phổ thông; giữa trường phổ thông và giáo viên; giữa người hưởng dịch vụ và giáo viên.*

3.3. Ủy quyền ở mức độ phù hợp với trách nhiệm cho cấp trường THPT

Như trên đã phân tích, hiện nay quyền hạn ra quyết định tại cấp trường THPT còn chưa phù hợp và tương xứng với trách nhiệm/nhiệm vụ này. Hơn nữa, Nghị quyết 05/2005/NQ-CP của Chính phủ đặc biệt nhấn mạnh “...phân cấp quản lí, gắn quyền hạn với trách nhiệm của các cấp, của tập thể và cá nhân người đứng đầu các cơ quan hành chính nhà nước các cấp; gắn phân cấp nhiệm vụ với phân cấp quản lí về tài chính, tổ chức, nhân sự và bảo đảm các điều kiện vật chất khác”. Vì vậy, cần tăng cường uỷ quyền ra quyết định sử dụng nguồn lực cho hiệu trưởng trường THPT; giáo viên được quyền điều chỉnh linh hoạt và mềm dẻo trong việc thực hiện chương trình và có cơ hội để quan tâm đến các nhu cầu đặc biệt và các kiểu học tập cá nhân của học sinh, đồng thời được tham gia vào công tác phát triển chương trình vì giáo viên là người hàng ngày tiếp xúc với thực tiễn lớp học và nắm rõ nhu cầu của học sinh.

3.4. Cùng cố quan hệ trách nhiệm trong nội bộ nhà trường

Để tăng cường quyền tự chủ cho nhà trường, cần quan tâm nhiều hơn đến công tác quản lý trong nội bộ nhà trường, trong đó, cần dựa vào bốn mối quan hệ về tính chịu trách nhiệm như đã trình bày ở trên, đồng thời:

- Phải xác định rõ ràng trách nhiệm của các cấp tham gia quản lý nhà trường THPT thông qua các công cụ pháp lý và hành chính;

- Nên phân bổ kinh phí theo đầu học sinh, quy định chặt chẽ việc sử dụng ngân sách cho chính quyền địa phương và nhà trường;

- Xây dựng hệ thống giám sát, kiểm soát để tăng cường các chức năng kiểm định tại trung ương;...

3.5. Xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên có năng lực tốt

Trong bối cảnh phân cấp mới, cán bộ sở GD&ĐT, các cơ quan chuyên môn tại tỉnh/TP và trường THPT cần được phát triển các năng lực: lập kế hoạch chiến lược; phát triển chương trình và tài liệu dạy học để phát triển phần mềm của chương trình đáp ứng nhu cầu địa phương; quản lý mềm dẻo, linh hoạt, đáp ứng và chịu trách nhiệm với cấp trên và người hưởng dịch vụ theo quy định của Nhà nước; giao tiếp, định hướng giá trị, tư duy sáng tạo, làm việc theo nhóm,...; Tự học và học suốt đời, tự cập nhật kiến thức thông qua tài liệu, học từ xa và internet;...

3.6. Hoàn thiện hệ thống chính sách quản lý theo tinh thần phân cấp

Về quản lý tổ chức và nhân sự: Kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn Việt Nam cho thấy, cần thể chế hoá các tiêu chuẩn về năng lực và phẩm chất của CBQL. Đồng thời, việc bổ nhiệm hiệu trưởng trường THPT nên theo quy trình sau: Sở GD&ĐT giới thiệu danh sách ứng cử viên để Hội đồng trường phỏng vấn, sau đó sở GD&ĐT tổ chức để giáo viên bỏ phiếu tín nhiệm và thông qua Quận/huyện ủy và cùng sở Nội vụ trình UBND tỉnh/TP ra quyết định.

Về quản lý chuyên môn: Bộ GD&ĐT chỉ thiết kế chương trình khung và dựa vào đó các trường xây dựng chiến lược thực hiện chương trình cụ thể phù hợp với những phân tích chính xác về nhà trường. Các quyết định về chương trình được đưa ra dựa trên sự phân quyền và sự tham gia của những người liên quan.

Về Giám sát và đánh giá: Xây dựng một hệ thống giám sát và đánh giá toàn diện hoạt động của nhà trường, bao gồm: các chuẩn và chỉ số đánh giá dựa trên kết quả hoạt động (perfor-

mance-based-indicators), hệ thống thu thập thông tin toàn diện từ cấp trường, sử dụng thông tin với mục đích đánh giá khách quan và công bằng, chế độ thưởng phạt hợp lý đối với các nhà chuyên môn, hiệu trưởng, cộng đồng... Điều quan trọng là hệ thống giám sát và đánh giá phải lấy mục tiêu hỗ trợ và cải tiến chất lượng làm cơ sở.

Về cách cung cấp tài chính giáo dục: Điều chỉnh chính sách học phí, trong đó cần xây dựng khung học phí mới; Ban hành hệ thống biểu mẫu các tiêu chí đánh giá công khai về: thu, chi tài chính; Các điều kiện về CSVC-TBDH, đội ngũ cán bộ - giáo viên; Chất lượng dạy và học của nhà trường,... nhằm giúp các bên liên đới (các cơ quan quản lý, nhà trường, cha mẹ học sinh và cộng đồng,...) có căn cứ để ra những quyết sách hợp lý. Trường THPT lập kế hoạch tài chính cho trường mình theo quy trình từ xác định mục tiêu, nhiệm vụ - định mức chi tiêu - dự toán ngân sách, trong đó, mỗi nội dung (nhiệm vụ) cần xác định rõ: Hoạt động cụ thể (Làm gì? Số lượng? Chất lượng?); Thời gian (Khi nào? Bao lâu?); Kinh phí (Bao nhiêu tiền?); Nguồn kinh phí (Từ ngân sách hay ngoài ngân sách?); Trách nhiệm thực hiện (Ai làm?).

Trên cơ sở những giải pháp mang tính định hướng được trình bày ở trên, cần cụ thể hóa mỗi giải pháp thành một lộ trình áp dụng và thử nghiệm trước khi đưa ra áp dụng đại trà.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ GD-ĐT (2000), *Điều lệ trường trung học*, Hà Nội.
2. CHXHCN Việt Nam (2005), *Luật Giáo dục*, NXB Chính trị Quốc gia, HN
3. CHXHCN Việt Nam (2005), *Nghị định số 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ*, Hà Nội.
4. Dự án hỗ trợ đổi mới quản lý giáo dục (2007), Báo cáo QLNN về giáo dục, Bộ GD-ĐT, Hà Nội.
5. Nguyễn Tiến Hùng (2005). *Cơ sở lý luận và thực tiễn về phân cấp quản lý trường trung học phổ thông Việt Nam*. Luận án tiến sĩ GDH, Viện KHGDVN
6. Donald R.Winkler (1999), *Decentralization in Education: An Economic Perspective*. WB.
7. McGinn & T.Welsh (1999) *Decentralization of Education: Why, When, What and How*. UNSECO

(Xem tiếp trang 32)



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ...

(Tiếp theo trang 21)

thời xem xét từng mức độ nội dung cao hơn chuẩn để tạo thành các mức năng lực phù hợp với đối tượng người học. Đây chính là quá trình tiêu chí hóa nội dung đánh giá theo năng lực.

Quá trình tiêu chí hóa nội dung đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn THCS được thực hiện qua các bước sau:

- Xác định các phương diện năng lực ngữ văn mà HS cần hình thành và phát triển qua môn học và mô tả theo các mức độ từ thấp đến cao để hình thành thang đo năng lực.

- Xác định các tiêu chí, minh chứng thể hiện cho mỗi phương diện của năng lực, tương ứng với từng mức độ.

- Lựa chọn các nội dung cụ thể của môn học phù hợp với các phương diện, mức độ năng lực của người học.

Khi xây dựng bộ công cụ đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn theo hướng hình thành năng lực, cần có sự phân hóa trong nội dung đánh giá, nhằm đo được các mức độ năng lực của mỗi HS theo mục tiêu học tập phát triển. Cần chú ý rằng năng lực của mỗi cá nhân được thể hiện theo cả một quá trình học tập, có sự hình thành và phát triển, nên trong đánh giá cần kết hợp giữa các loại hình đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết. Đồng thời, năng lực là một khái niệm trừu tượng, khó quan sát năng lực một cách trực tiếp mà phải qua nhiều dấu hiệu nên cần kết hợp nhiều phương pháp và kĩ thuật để đánh giá được một cách toàn diện các phương diện năng lực của người học.

Như vậy, việc xác định mục tiêu dạy học hướng tới hình thành và phát triển các năng lực ngữ văn sẽ dẫn đến một yêu cầu tất yếu trong đánh giá

môn học Ngữ văn THCS là: mục tiêu cuối cùng của đánh giá không phải chỉ là khả năng lĩnh hội những kiến thức và kĩ năng riêng lẻ của người học mà là khả năng vận dụng tổng hợp những kiến thức và kĩ năng đó vào quá trình đọc - hiểu, nghe - hiểu, nói và viết tiếng Việt, không chỉ trong các giờ học Ngữ văn mà còn trong các tình huống đa dạng của cuộc sống.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn THCS*, Ban hành kèm theo quyết định số 16/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 5/5/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2006.

2. Xavier Roegiers, *Khoa sư phạm tích hợp hay Làm thế nào để phát triển các năng lực ở nhà trường*, NXB Giáo dục, 1996.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Dự án Phát triển Giáo dục THCS II, tài liệu tập huấn: *Đánh giá giáo dục*, Trung tâm đánh giá đại học Melbourne - Austraylia, tháng 11/2009.

4. Hoàng Đức Nhuận, Lê Đức Phúc, *Cơ sở lí luận của việc đánh giá chất lượng học tập của học sinh phổ thông*, Chương trình khoa học cấp Nhà nước KX-07-08, 1996.

SUMMARY

According to the author assessment is a step in the education process. The assessment activities have important role in proving the results of teaching objectives, content and methods, and have positive impacts on the education process. The identification of education objectives of the subject has guiding meaning for the identification of objectives and content of assessment. Based on that, the article focuses on the assessment of lower secondary Philology with competence approach.

PHÂN CẤP QUẢN LÝ ...

(Tiếp theo trang 31)

8. WB(2007) *What is School-Based-Management? Education Human Development Network*, Washington DC

9 Cheng, Y (1996) - *School Effectiveness and School - Based - Management: a Mechanism for Development*. London, The Falmer Press.

SUMMARY

The article presents the issue of upper secondary school management decentralization, in this the author defines concept of upper secondary school management decentralization, analyses the discrepancies in the management decentralization, and proposes directions for innovation of upper secondary school management decentralization in Vietnam.